

Số: /SCT-VP

Quảng Trị, ngày tháng năm 2020

V/v đơn đốc thực hiện công tác
cải cách hành chính

Kính gửi: Các phòng thuộc Sở

Thực hiện Văn bản số 952/SNV-CCHCVTLT ngày 09/11/2020 của Sở Nội vụ về tham mưu, xây dựng kế hoạch cải cách hành chính năm 2021; Nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trong thời gian tới; Lãnh đạo Sở yêu cầu Trưởng các phòng thuộc Sở thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1. Nghiên cứu, đề xuất các nội dung nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) - chỉ số hỗ trợ doanh nghiệp; Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) trên lĩnh vực công nghiệp, thương mại trong thời gian tới.

2. Tham gia đề xuất sửa đổi, bổ sung các tiêu chí Bộ chỉ số CCHC và Quy định đánh giá, chấm điểm chỉ số CCHC các Sở ban ngành cấp tỉnh; Nội dung các sáng kiến, ý tưởng, mô hình mới, tiêu biểu trong công tác cải cách hành chính; Phối hợp tự đánh giá, chấm điểm và nộp các tài liệu kiểm chứng liên quan đến công tác cải cách hành chính năm 2020 theo lĩnh vực được phân công (Phụ lục kèm theo).

3. Thanh tra Sở đề xuất giải pháp đổi mới và nâng cao chất lượng công tác cải cách thể chế; Phổ biến, giáo dục pháp luật; Phối hợp đề xuất Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) tỉnh Quảng Trị hỗ trợ xây dựng phần mềm tổ chức cuộc thi trực tuyến phổ biến giáo dục pháp luật của ngành, tìm hiểu cải cách hành chính năm 2021 với nội dung và hình thức theo Kế hoạch và Thẻ lệ Ban Tổ chức và Tổ giúp việc cuộc thi trực tuyến.

4. Văn phòng Sở xây dựng hoàn chỉnh Dự thảo và trình UBND tỉnh ban hành Quyết định về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ; Tổ chức kiểm tra và đôn đốc nộp báo cáo liên quan công tác cải cách hành chính tại các phòng, đơn vị trực thuộc; Phát động phong trào thi đua về cải cách hành chính; Tổ chức Hội thi/Tọa đàm công tác cải cách hành chính, nâng cao chất lượng Chỉ số cải cách hành chính của Sở trong thời gian tới.

5. Thư ký ISO - Văn phòng Sở đôn đốc các phòng chuyên môn, nghiệp vụ hoàn thiện các tài liệu, quy trình thuộc Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 của Sở phù hợp với các Quyết định về công bố thủ tục hành chính đã chuẩn hóa và các văn bản quy định hiện hành. Phối hợp và triển khai thực hiện tốt các chức năng, tính năng kỹ thuật của Cổng dịch vụ công trực tuyến

trên lĩnh vực công thương đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo Quyết định số 1697/QĐ-BTTTT ngày 23/10/2018 của Bộ Thông tin Truyền thông; Nội dung đề xuất gửi về Thư ký -Văn phòng Sở, để trình Lãnh đạo Sở công bố trước 31/11/2020.

Giao Văn phòng Sở tham mưu Lãnh đạo Sở trong việc đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính, chế độ thông tin báo cáo theo định kỳ làm một trong những tiêu chí cơ bản để đánh giá xếp loại kết quả công tác và thi đua khen thưởng hàng năm đối với các phòng, đơn vị và người đứng đầu đơn vị.

Để hoạt động công tác cải cách hành chính đạt hiệu quả cao, Lãnh đạo Sở yêu cầu các Phòng nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Hưng

PHỤ LỤC
CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP SỞ

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
I	CÔNG TÁC CHỈ	ĐẠO ĐIỀU HÀNH	
1	TCTP 1.1.1 - Ban hành kế hoạch CCHC	Nếu Kế hoạch cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị ban hành: + Trước 31/1 của năm kế hoạch, điểm đánh giá là: 0.5. + Sau 31/1: 0	Kế hoạch CCHC năm và các phụ lục
2	TCTP 1.1.2 Chất lượng ban hành kế hoạch	- Yêu cầu: + Nội dung kế hoạch: Phải xác định đầy đủ 6 nội dung CCHC theo quy định; nhiệm vụ cụ thể của Kế hoạch phải thể hiện bằng khung logic (có kết quả đầu ra, bộ phận chủ trì, bộ phận phối hợp, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm); - Nếu kế hoạch CCHC đáp ứng đầy đủ yêu cầu về nội dung nêu trên thì điểm đánh giá là 0.5; không đáp ứng một trong các yêu cầu trên thì điểm đánh giá là 0.	Kế hoạch CCHC năm, các phụ lục
3	TCTP 1.1.3 - Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch (trong trường hợp kế hoạch ban hành không đảm bảo chất lượng Hội đồng thẩm định sẽ giảm tỷ lệ mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị). Nếu tỷ lệ này đạt: - Thực hiện hoàn thành từ 70- 100% kế hoạch thì tính theo công thức: <i>(Tỷ lệ % số nhiệm vụ CCHC đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ trong kế hoạch x 2đ)/100%</i> <i>Ví dụ: Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch là 85% thì điểm đánh giá là $[85\%*2]/100\% = 1.7$ điểm.</i> - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm; - Bảng tổng hợp kết quả thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch. - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có):
4	TC 1.2 – Báo cáo CCHC	- Yêu cầu: Báo cáo đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định của tỉnh, thì tổng điểm tối đa TC này là 3 điểm:	- Các báo cáo định kỳ về CCHC - Các báo cáo đột xuất về CCHC gửi

		<p>+ Về số lượng: Mỗi báo cáo được tính 0.1 điểm</p> <p>+ Về Nội dung báo cáo định kỳ: Các báo cáo đầy đủ nội dung, gồm: Công tác chỉ đạo, 6 nhiệm vụ CCHC, triển khai PAPI và kết quả khảo sát đo lường mức độ hài lòng của người dân và tổ chức (theo QĐ 2919/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của UBND tỉnh), mỗi báo cáo đầy đủ được tính 0.4 điểm.</p> <p>+ Thời gian báo cáo định kỳ về CCHC, gửi đến Sở Nội vụ (báo cáo quý I, trước ngày 10/3; 6 tháng đầu năm, trước ngày 10/6; quý III, trước ngày 10/9; năm, trước ngày 10/11). Mỗi báo cáo định kỳ đúng thời gian quy định được tính 0.1 đ</p> <p>- Báo cáo đột xuất: Thực hiện đầy đủ báo cáo đột xuất theo yêu cầu thì điểm đánh giá là 0.6 điểm. Không thực hiện đầy đủ các báo cáo đột xuất, thì điểm đánh giá 0. (trường hợp trong năm không có yêu cầu báo cáo đột xuất thì điểm đánh giá là 0.6.</p>	<p>đến Sở Nội vụ (vào sổ Công văn đến hoặc trên hệ thống gửi nhận văn bản của UBND tỉnh)</p>
5	TCTP 1.3.1 - Tỷ lệ phòng, ban, đơn vị trực thuộc được kiểm tra trong năm	<p>Tính tỷ lệ % giữa số phòng, ban, đơn vị trực thuộc được kiểm tra trong năm so với tổng số phòng, ban, đơn vị trực thuộc. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>- Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 0.5;</p> <p>- Dưới 30% thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>Nếu không ban hành kế hoạch kiểm tra thì điểm đánh giá TCTP này là 0.</p>	<p>- Kế hoạch kiểm tra CCHC, Quyết định thành lập đoàn kiểm tra,</p> <p>- Biên bản kiểm tra, Kết luận kiểm tra chi tiết các cơ quan, đơn vị đã kiểm tra về nội dung CCHC;</p>
6	TCTP 1.3.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	<p>Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bất cập, vướng mắc, vi phạm...). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>- Từ 70-100 các vấn đề phát hiện qua kiểm tra tính theo công thức: (Tỷ lệ % số vấn đề xử lý, kiến nghị xử lý x 2)/100%</p> <p><i>Ví dụ: Tỷ lệ % số vấn đề đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đạt 75% thì điểm đánh giá là: $[75\%*2]/100\% = 1.5$ điểm.</i></p> <p>- Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Biên bản kiểm tra, Kết luận kiểm tra;</p> <p>- Các văn bản phản hồi của cơ quan, đơn vị thể hiện nội dung đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra.</p>
7	TCTP 1.4.1 - Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	<p>- Yêu cầu:</p> <p>+ Kế hoạch tuyên truyền CCHC có thể được ban hành riêng hoặc lồng ghép với kế hoạch CCHC năm (kế hoạch phải cụ thể, xác định rõ kết quả/sản phẩm đầu ra, rõ trách nhiệm triển khai, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm).</p>	<p>- Kế hoạch tuyên truyền CCHC;</p> <p>- Các báo cáo CCHC định kỳ;</p> <p>- Cung cấp các đường link, bài viết, hình ảnh... đã tuyên truyền.</p> <p>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).</p>

		<p>+ Giải trình số nhiệm vụ và tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: Từ 70-100% các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra thì tính theo công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành x 2)/100% <i>Ví dụ: Tỷ lệ % số nhiệm vụ sản phẩm đã hoàn thành đạt 75% thì điểm đánh giá là: $[75\% * 2] / 100\% = 1.5$ điểm.</i> + Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.</p>	
8	TCTP 1.4.2 - Đa dạng trong tuyên truyền CCHC	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền CCHC qua bài viết hoặc phóng sự trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử (mỗi bài viết được tính 0.5 điểm) và tổng số không quá 1 điểm; - Tuyên truyền CCHC bằng hình thức khác: Tuyên truyền CCHC bằng ít nhất một trong số các hình thức khác, như: Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC; tọa đàm về CCHC; sân khấu hóa, hoặc các hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo khác, thì điểm đánh giá cộng thêm 1 điểm; - Nếu không thực hiện tuyên truyền về CCHC thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm; - Cung cấp các đường link tới tin, bài, hình ảnh đã tuyên truyền về CCHC trên website; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
9	TC 1.5- Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đơn đốc thực hiện CCHC	<p>Là các văn bản (công văn, hướng dẫn) của cơ quan, đơn vị chỉ đạo, đơn đốc, hướng dẫn triển khai các nhiệm vụ cụ thể về cải cách hành chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Có 05 văn bản trở lên, thì điểm đánh giá: 1 + Từ 2-4 văn bản, thì điểm đánh giá là 0.5 + Dưới 2 văn bản, điểm đánh giá là 0 	Các công văn, hướng dẫn để chỉ đạo, đơn đốc, hướng dẫn thực hiện công tác CCHC đạt hiệu quả tốt hơn
10	TC 1.6 - Sáng kiến, giải pháp mới trong triển khai công tác cải cách hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Các sáng kiến hoặc giải pháp, cách làm mới trong CCHC phải theo quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ, cụ thể: đáp ứng yêu cầu sau: + Có tính mới trong công tác cải cách hành chính + Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ quan, đơn vị và mang lại lợi ích thiết thực về CCHC (trong phạm vi cơ quan, đơn vị, hoặc toàn ngành, hoặc cấp tỉnh, cấp huyện); + Được Hội đồng công nhận sáng kiến của cơ quan hoặc cấp trên công nhận - 01 sáng kiến, giải pháp được tính 1 điểm (tối đa không quá 3 điểm); 	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản phê duyệt triển khai các sáng kiến, giải pháp mới trong thực hiện các nội dung CCHC; - Các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền (nếu có). - Giải trình sáng kiến của cơ quan, đơn vị - Hiệu quả sáng kiến, giải pháp đạt được

		- Không có sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 0.	
11	TCTP 1.7.1- Thời gian gửi Báo cáo tự chấm điểm Chỉ số CCHC	- Báo cáo tự chấm điểm gửi trước hoặc đúng thời gian quy định, thì điểm đánh giá 1 - Báo cáo tự chấm điểm gửi sau thời gian quy định, thì điểm đánh giá 0	Báo cáo tự chấm điểm và tài liệu kiểm chứng.
12	TCTP 1.7.2- Kết tự chấm điểm Chỉ số CCHC	Yêu cầu: Các cơ quan, đơn vị phải đánh giá thực chất và chính xác kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính theo thang điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần. - Điểm tự đánh giá chính xác 100% so với kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định thì được 1.5 điểm - Điểm tự đánh giá có sai số không quá 5% so với kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định thì được 1 điểm - Điểm tự đánh giá có sai số từ 6 đến 10% so với kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định thì được 0.5 điểm - Điểm tự đánh giá có sai số trên 10% so với kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định thì được 0 điểm	Cơ quan, đơn vị phải tự đánh giá (chấm điểm)
II	THEO DÕI THI	HÀNH PHÁP LUẬT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VBQPPL	
13	TC 2.1- Chủ trì soạn thảo trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL trong năm	Nếu trong năm cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao Chủ trì soạn thảo trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL, trong quá trình soạn thảo nếu tỷ lệ các bước soạn thảo đạt tiến độ từ 50%-100% (Văn bản đã được ban hành), thì điểm đánh giá được tính theo công thức: Tỷ lệ % tiến độ hoàn thành soạn thảo x 2/100% . Trường hợp tỷ lệ tiến độ hoàn thành dưới 50%, thì điểm đánh giá là 0. Trường hợp trong năm không được giao chủ trì soạn thảo VBQPPL thì TC này được trừ vào tổng số điểm tối đa	Báo cáo kết quả xây dựng Văn bản QPPL; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp (do Sở Tư pháp cung cấp).
14	TCTP 2.2.1 - Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi THPL đã ban hành	- Yêu cầu: + Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật có thể được ban hành riêng hoặc lồng ghép với kế hoạch CCHC năm, từng nhiệm vụ trong kế hoạch phải cụ thể, xác định rõ kết quả/sản phẩm đầu ra, rõ trách nhiệm triển khai, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm. Nếu không ban hành KH theo dõi THPL thì điểm đánh giá 0.	- Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật - Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp (do Sở Tư pháp cung cấp).

		<p>+ Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch.</p> <p>- Nếu hoàn thành từ 70-100% các nhiệm vụ, sản phẩm theo kế hoạch đề ra thì tính theo công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành x 2)/100% <i>Vi dụ: Tỷ lệ % số nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành đạt 80% thì điểm đánh giá là: [80%*2]/100 %= 1.6 điểm.</i></p> <p>+ Nếu hoàn thành từ dưới 70%, thì điểm đánh giá 0</p>	
15	TCTP 2.2.2- Thực hiện công tác báo cáo TDTHPL	<p>- Đảm bảo nội dung, hình thức và thời gian báo cáo theo quy định của Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14/12/2018 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật và yêu cầu của UBND tỉnh và đề nghị của Sở Tư pháp thì điểm đánh giá là 0.5</p> <p>- Không đảm bảo thì điểm đánh giá là 0</p>	<p>- Các báo cáo kết quả theo TD THPL của cơ quan, đơn vị;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp (do Sở Tư pháp cung cấp).</p>
16	TCTP 2.2.3 - Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	<p>- Yêu cầu:</p> <p>+ Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, các cơ quan, đơn vị xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn.</p> <p>- Nếu xử lý từ 70-100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra hoặc kiến nghị xử lý thì tính theo công thức: (Tỷ lệ % vấn đề được xử lý hoặc KN xử lý x 1.5đ)/100%.</p> <p>- Nếu xử lý dưới 70% các vấn đề được phát hiện, điểm đánh giá là 0</p> <p>Trong trường hợp kết quả thu thập thông tin, kiểm tra, khảo sát... nhưng không có vấn đề gì cần xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá 1.5.</p>	<p>- Các báo cáo kết quả theo TD THPL của cơ quan, đơn vị;</p> <p>- Các văn bản xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp.</p>
17	TCTP 2.3.1- Tổ chức triển khai thực hiện VBQPPL	<p>Yêu cầu:</p> <p>+ Kê khai các văn bản QPPL cấp trên ban hành liên quan đến ngành, lĩnh vực của cơ quan, đơn vị phải triển khai.</p> <p>Tính tỷ lệ % số văn bản, nhiệm vụ hoặc sản phẩm... (gọi chung là nhiệm vụ) đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ trong năm phải thực hiện, triển khai.</p> <p>+ Từ 70-100% các nhiệm vụ đã hoàn thành theo kế hoạch đề ra thì tính theo</p>	<p>- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện VBQPPL của cơ quan, đơn vị theo quy định;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp.</p>

		<p>công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành x 1.5)/100% <i>Vi dụ: Tỷ lệ % số nhiệm vụ đã hoàn thành đạt 80% thì điểm đánh giá là: [80%*1.5]/100% = 1.2 điểm.</i> + Từ dưới 70%, thì điểm đánh giá 0</p>	
18	TCTP 2.3.2 – Thực hiện kế hoạch rà soát VBQPPL	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch rà soát VBQPPL có thể được ban hành riêng hoặc lồng ghép với kế hoạch CCHC năm, từng nhiệm vụ trong kế hoạch phải cụ thể, xác định rõ kết quả/sản phẩm đầu ra, rõ trách nhiệm triển khai, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm. Nếu không ban hành KH rà soát VBQPPL thì điểm đánh giá 0. - Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch. + Từ 70-100% các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra thì tính theo công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành x 1.5)/100% + Từ dưới 70%, thì điểm đánh giá 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch rà soát VBQPPL - Báo cáo kết quả rà soát VBQPPL của cơ quan, đơn vị; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp. - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)
19	TCTP 2.3.3 – Xử lý VBQPPL sau rà soát	<ul style="list-style-type: none"> - Tính tỷ lệ % giữa số VBQPPL đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý so với tổng số VBQPPL phải được xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau khi rà soát. Nếu tỷ lệ này đạt: + Từ 70-100% số VBQPPL đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý thì tính theo công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành x 2)/100% + Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả rà soát VBQPPL của cơ quan, đơn vị; các văn bản xử lý VBQPPL sau rà soát; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp. - Danh mục các văn bản sai phạm - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)
20	TCTP 2.3.4-Công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo số lượng báo cáo, nội dung và thời gian báo cáo theo quy định (Thời hạn, nội dung báo cáo thực hiện theo Điều 135 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và quy định của UBND tỉnh; hướng dẫn của Sở Tư pháp), thì điểm đánh giá là 0.5 - Không đảm bảo số lượng báo cáo, nội dung và thời gian báo cáo theo quy định của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Tư pháp, thì điểm đánh giá là 0 	Như trên
III	CẢI CÁCH TTH	C THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA MỘT CỬA LIÊN THÔNG	
21	TC 3.1- Rà soát, đánh giá, công bố	<p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với quyết định công bố Danh mục TTHC: Khi có quyết định công bố 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định công bố Danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh.

	thủ tục hành chính 3 cấp (tỉnh, huyện, xã)	<p>TTHC của Bộ, cơ quan ngang bộ, chậm nhất sau 05 ngày kể ngày có quyết định công bố, cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực phải rà soát trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố đầy đủ, kịp thời Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.</p> <p>- Đối với quyết định công bố TTHC: Khi có văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh có quy định TTHC thì:</p> <p>+ Trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố TTHC chậm nhất trước 05 ngày làm việc tính đến ngày VBQPPL có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành.</p> <p>Trường hợp VBQPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành thì quyết định công bố TTHC phải được ban hành chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành VBQPPL có quy định về TTHC.</p> <p>- Công bố TTHC hoặc nhóm TTHC liên thông theo thẩm quyền quy định tại <u>Nghi định 61/2018/NĐ-CP</u> và Điều 4, <u>Thông tư 01/2018/TT-VPCP</u>.</p> <p>- Điểm đánh giá khi trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC hoặc Danh mục TTHC được tính như sau:</p> <p>+ Kịp thời, đầy đủ, đúng quy định của cả 3 cấp, thì điểm đánh giá là 3</p> <p>- Chậm về thời gian, chưa đầy đủ theo quy định của cả 3 cấp, thì điểm đánh giá là 2</p> <p>- Không trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố, thì điểm đánh giá là 0.</p> <p><i>(Nếu trong năm Bộ, cơ quan ngang bộ không công bố TTHC về ngành lĩnh vực hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung TTHC hoặc UBND tỉnh không ban hành văn bản QPPL có quy định TTHC thì điểm đánh giá TC này được trừ vào điểm tối đa)</i></p>	
22	TCTP 3.2 - Trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	<p>-Sau khi có Quyết định công bố Danh mục TTHC hoặc Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông:</p> <p>- Đầy đủ và đúng quy định thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>- Không đầy đủ, không đảm bảo chất lượng thì điểm đánh giá là 0.</p>	- Quyết định phê duyệt Quy trình nội bộ của Chủ tịch UBND tỉnh.
23	TCTP 3.3.1- Tỷ lệ niêm yết công khai	<p>Yêu cầu:</p> <p>- Các TTHC phải được cập nhật và niêm yết công khai đầy đủ đúng theo quy</p>	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC năm của cơ quan, đơn vị theo định

	TTHC tại nơi tiếp nhận và trả kết quả theo quy định	định tại nơi TN và TKQ - Tính tỷ lệ% số TTHC được niêm yết công khai so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết: + Tỷ lệ đạt từ 95% trở lên, thì điểm đánh giá tính theo công thức: (Tỷ lệ % số TTHC so với tổng số TTHC đã được niêm yết x 1)100% + Tỷ lệ đạt dưới 95%, thì điểm đánh giá là 0 điểm.	kỳ. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh.
24	TCTP 3.3.2- Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên cổng (trang) thông tin của sở, ban, ngành	Yêu cầu: Các TTHC phải được cập nhật và công khai đầy đủ, đúng theo quy định trên cổng (trang) thông tin của cơ quan, đơn vị: + Tính tỷ lệ% số TTHC đã được công khai so với tổng số TTHC, nếu: + Từ 100% thì điểm đánh giá là 1; + Dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC năm của cơ quan, đơn vị theo định kỳ. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh.
25	TC 3.4 - Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	- Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại Nghị định 61/2018/NĐCP và Thông tư 01/2018/TT-VPCP . - Tính tổng số TTHC thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm PVHCC của cơ quan so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, nếu đạt từ 95% trở lên thì điểm đánh giá tính theo công thức: Tỷ lệ % số TTHC so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết x 3)100% . - Nếu đạt tỷ lệ dưới 95% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện tại Trung tâm Hành chính công thì điểm đánh giá là 0. Trường hợp UBND tỉnh cho phép các TTHC được TN và TKQ tại cơ quan, đơn vị hoặc TN và TKQ di động (VD: kiểm dịch...) thì được tính gộp tỷ lệ và phải có báo cáo giải trình. Ví dụ Sở A có tổng số 100 thủ tục hành chính, trong đó: 90 TTHC đưa vào TN và TKQ tại Trung tâm PVHCC tỉnh, 8 TTHC được UBND tỉnh đồng ý cho TN và TKQ tại cơ quan và 2 TTHC được tiếp nhận di động (tại trạm kiểm dịch). Nhưng trong năm đánh giá Sở A chỉ đưa 80 TTHC vào TN và TKQ tại Trung tâm PVHCC, 18 TTHC thực hiện TN và TKQ tại cơ quan (vượt 10 TTHC theo sự đồng ý của UBND tỉnh) và 2 TTHC tiếp nhận di động.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC năm của cơ quan, đơn vị theo định kỳ Văn bản của UBND tỉnh đồng ý cho tiếp nhận và TKQ hồ sơ TTHC di động hoặc tiếp nhận tại cơ quan, đơn vị; Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh.

		Cách tính tỷ lệ như sau: $(80+8+ 2)/100\% = 92,\%$ điểm đánh giá là 0 điểm (chưa đạt 95%)	
26	TC 3.5- Tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện TN và TKQ qua Hệ thống một cửa điện tử	<p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả cho cá nhân, tổ chức phải được cập nhật vào hệ thống một cửa của tỉnh (trường hợp hồ sơ TTHC thực hiện TN và TKQ trên các phần mềm do Trung ương quy định phải được thống kê, báo cáo giải trình riêng) - Tính tỷ lệ số hồ sơ TTHC trong năm thực hiện TN và TKQ trên phần mềm một cửa điện tử so với tổng số hồ sơ TTHC được tiếp nhận và trả kết quả trong năm của cơ quan đơn vị (trên phần mềm MCĐT và các hình thức khác), nếu: <ul style="list-style-type: none"> + Từ 90% số hồ sơ TTHC được thực hiện TN và TKQ qua Hệ thống một cửa điện tử, thì điểm đánh giá được tính theo công thức: <i>Tỷ lệ % số hồ sơ TTHC so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết x 2</i>)/100% + Từ dưới 90% số hồ sơ TTHC được thực hiện TN và TKQ qua Hệ thống một cửa điện tử, thì điểm đánh giá là 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC năm của cơ quan, đơn vị. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh.
27	TC 3.6 – Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	<p>Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị tiếp nhận trong năm được giải quyết và trả đúng hạn so với tổng số hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị đã tiếp nhận trong năm. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Từ 95 % - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức : <i>(Tỷ lệ % số hồ sơ đã giải quyết và trả đúng hạn x3)</i>/100% + Dưới 95% thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC năm . - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh.
28	TC 3.7 - Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	<p>Yêu cầu: Thực hiện đầy đủ và đúng quy định về việc xin lỗi người dân, tổ chức (bằng văn bản) khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC.</p> <p>Trường hợp trễ hẹn mà không phải do lỗi của cơ quan nhà nước đề nghị có giải trình cụ thể cho từng trường hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; nếu thực hiện không đầy đủ hoặc không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. <p>Trường hợp không có hồ sơ TTHC giải quyết trễ hẹn trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 1 điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kiểm soát TTHC năm của cơ quan, đơn vị; - Văn bản xin lỗi (nếu có hồ sơ trễ hẹn) - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh.

29	TC 3.8 – Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	<p>- Yêu cầu:</p> <p>+ Tổ chức thực hiện đầy đủ các hình thức, quy trình tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức về TTHC theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP .</p> <p>+ Thống kê tất cả PAKN trong năm về TTHC do tỉnh tiếp nhận trực tiếp và các PAKN do Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương tiếp nhận, yêu cầu tỉnh giải quyết.</p> <p>- Tính tỷ lệ % giữa số PAKN đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số PAKN đã tiếp nhận trong năm. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>+ Không nhận được PAKN nào, hoặc 100% các PAKN được xử lý hoặc đề nghị cấp trên xử lý thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>+ Từ 90% - dưới 100% PAKN được xử lý, thì điểm đánh giá là 0.5;</p> <p>+ Dưới 90% thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC năm của cơ quan, đơn vị.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh.</p>
30	TC 3.9- Chế độ thông tin báo cáo TTHC	<p>- Yêu cầu:</p> <p>+ Báo cáo công tác kiểm soát TTHC theo định kỳ (quý 1, quý 2, quý 3 và BC năm) đầy đủ.</p> <p>+ Đầy đủ các nội dung theo Đề cương báo cáo và biểu mẫu quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</p> <p>+ Đúng thời gian quy định: Trước ngày 25 của tháng cuối quý, BC năm trước ngày 25/12 hàng năm.</p> <p>- Nếu thực hiện báo cáo đầy đủ số lượng, đúng nội dung và thời gian quy định thì đánh giá là 2 điểm.</p> <p>- Nếu báo cáo thiếu số lượng (hoặc không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian quy định) thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC theo năm của cơ quan, đơn vị.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh</p>
IV	CẢI CÁCH TỔ	CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	
31	TCTP 4.1.1 - Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của cơ quan	<p>- Yêu cầu: Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, Chi cục trực thuộc, bảo đảm đúng quy định của Trung ương và của tỉnh. Thời hạn hoàn thiện việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các đơn vị nêu trên chậm nhất là 03 tháng kể từ ngày quy định mới về tổ chức bộ máy có hiệu lực thi hành.</p>	<p>- Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo chuyên đề đánh giá về rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan đơn vị</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở</p>

	hành chính	- Nếu 100 % số phòng chuyên môn, Chi cục trực thuộc được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.	Nội vụ
32	TCTP 4.1.2 - Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp sở tại các cơ quan hành chính	- Yêu cầu: Số lượng lãnh đạo cấp phó của người đứng đầu các CQCM thuộc UBND tỉnh không quá 03 người. Nếu đáp ứng yêu cầu nêu trên thì điểm đánh giá là 1 Không đáp ứng yêu cầu trên điểm đánh giá là 0	- Báo cáo CCHC năm của cơ quan hoặc báo cáo thống kê về số lượng cấp phó của người đứng đầu tại các cơ quan - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ
33	TCTP 4.1.3 - Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng tại các cơ quan hành chính và các đơn vị SNCL trực thuộc	- Yêu cầu: Số lượng lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc cấp Sở và số lượng lãnh đạo các các đơn vị sự nghiệp trực thuộc: thực hiện đúng theo quy định của tỉnh Nếu đáp ứng yêu cầu nêu trên thì điểm đánh giá là 1 Không đáp ứng yêu cầu trên điểm đánh giá là 0	Như trên
34	TCTP 4.1.4 - Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập	So với Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh, nếu: Thực hiện 100% theo Đề án, điểm đánh giá là 1; Thực hiện từ 80% đến dưới 100% theo Đề án, điểm đánh giá là 0.5 Thực hiện dưới 80% theo Đề án: 0	- Báo cáo CCHC của cơ quan (hoặc báo cáo có liên quan) - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ
35	TCTP 4.2.1 - Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	- Nếu số lượng biên chế hành chính của cơ quan đang sử dụng không vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao thì điểm đánh giá là 1; - Nếu sử dụng vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao thì điểm đánh giá là 0.	Như trên
36	TCTP 4.2.2 - Thực hiện quy định về sử dụng số lượng người làm việc	- Thống kê tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan cấp sở và đơn vị SNCL trực thuộc - Nếu tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước không vượt quá tổng số lượng người làm việc được giao thì điểm đánh giá là 1; nếu sử dụng vượt quá so với tổng số người làm việc được giao thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC của cơ quan (hoặc báo cáo có liên quan) - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ

37	TCTP 4.2.3 - Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015	<p>Thông kê tổng số biên chế hành chính của cơ quan được giao trong năm 2015 và thông kê tổng số biên chế hành chính thực tế của cơ quan trong năm đánh giá. Tính tỷ lệ % giảm số lượng biên chế hành chính thực tế của tỉnh trong năm đánh giá so với tổng số biên chế hành chính của tỉnh được giao trong năm 2015. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 10% trở lên thì điểm đánh giá là 1; - Dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức (<i>Tỷ lệ % giảm biên chế x 1</i>)/10%). 	Như trên
38	TCTP 4.3.1 - Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý đối với ngành, lĩnh vực do sở, ngành phụ trách	<p>- Yêu cầu: Thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định của Trung ương (Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ, các quy định khác của Chính phủ, các bộ, ngành) và UBND tỉnh về phân cấp quản lý nhà nước.</p> <p>- Nếu thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; không thực hiện đầy đủ hoặc không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>Trường hợp cơ quan không có các nhiệm vụ phân cấp (do đặc thù) thì được trừ vào tổng số điểm tối đa.</p>	<p>- Báo cáo CCHC của cơ quan (có nội dung về phân cấp), hoặc báo cáo kết quả triển khai, kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.</p>
39	TCTP 4.3.2 - Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp	<p>- Yêu cầu: Thực hiện kiểm tra, rà soát, đánh giá định kỳ hàng năm đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cơ quan theo quy định của Chính phủ tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016.</p> <p>- Nếu có thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 0.5; không thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>Trường hợp cơ quan không có các nhiệm vụ phân cấp (do đặc thù) thì được trừ vào tổng số điểm tối đa.</p>	<p>- Báo cáo CCHC của cơ quan hoặc báo cáo kết quả triển khai, kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.</p>
40	TCTP 4.3.3 - Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	<p>Nếu 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý thì điểm đánh giá là 0.5; dưới 100% số vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>Trường hợp cơ quan không có các nhiệm vụ phân cấp (do đặc thù) thì được trừ vào tổng số điểm tối đa.</p>	<p>- Các thông báo kết luận kiểm tra;</p> <p>- Các văn bản xử lý những vấn đề phát hiện qua kiểm tra.</p>
41	TC 4.4- Ban hành Quy chế làm việc	<p>- Đã ban hành và sửa đổi khi có thay đổi về lãnh đạo cấp sở, hoặc tổ chức bộ máy, thì điểm đánh giá là 0.5; Không ban hành hoặc sửa đổi khi có thay đổi về lãnh đạo cấp sở hoặc tổ chức bộ máy, thì điểm đánh giá là 0</p>	Quyết định ban hành Quy chế làm việc

V	XÂY DỰNG VÀ	NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	
42	TCTP 5.1.1 - Tỷ lệ phòng ban, chi cục thuộc sở, ban, ngành có cơ cấu công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	<p>- Yêu cầu: Các phòng, ban, chi cục trực thuộc phải bố trí công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí.</p> <p>Nếu chưa hoàn thành việc trình phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm thì coi như chưa thực hiện đúng quy định.</p> <p>Nếu tỷ lệ này đạt: + 100% thì điểm đánh giá là 1; + Dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Báo cáo CCHC năm; - Gửi đại diện Bản mô tả công việc, Khung năng lực của ít nhất 05 vị trí việc làm khác nhau; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ</p>
43	TCTP 5.1.2 - Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ban, ngành có cơ cấu viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	<p>- Yêu cầu: + Các đơn vị SNCL thuộc sở, ban, ngành phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục vị trí việc làm; + Hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; + Bố trí viên chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí.</p> <p>- Nếu tỷ lệ này đạt: 100% thì điểm đánh giá là 1; Dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Báo cáo CCHC năm; - Gửi đại diện Bản mô tả công việc, Khung năng lực của ít nhất 05 vị trí việc làm khác nhau; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.</p>
44	TC 5.2 - Tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	<p>- Yêu cầu: Việc tuyển dụng viên chức tại các đơn vị SNCL trực thuộc phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>- Nếu 100% số đơn vị SNCL thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% số đơn vị thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>- <i>Trường hợp trong năm không tuyển dụng thì trừ vào tổng số điểm tối đa</i></p>	<p>Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thông báo tuyển dụng, quyết định thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng,...)</p>
45	TC 5.3 - Thực hiện quy định về quy trình bổ nhiệm vị trí lãnh đạo các phòng, ban, tương đương	<p>- Yêu cầu: Việc bổ nhiệm phải tuân thủ đúng quy trình, tiêu chuẩn bằng cấp và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>- Thống kê danh sách số lãnh đạo các phòng, ban và tương đương được bổ nhiệm trong năm; danh sách lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương được bổ nhiệm trong năm; - Nếu 100% số lãnh đạo các phòng, ban và tương đương được bổ nhiệm</p>	<p>- Các quyết định bổ nhiệm; - Báo cáo đánh giá kết quả việc bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý trong năm; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ</p>

		đúng quy định thì được 1 điểm; nếu dưới 100% thì điểm đánh giá là 0 điểm. Trường hợp được bổ nhiệm từ những năm trước, nhưng trong năm đánh giá mới phát hiện ra sai phạm, thì điểm đánh giá của năm đánh giá hiện tại là 0	
46	TC 5.4 - Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: Tỷ lệ % nhiệm vụ hoàn thành theo kế hoạch x 2)/100% - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị. - Theo dõi của Sở Nội vụ.
47	TCTP 5.5.1- Cập nhật đầy đủ thông tin CB,CC,VC trên hệ thống thông tin của tỉnh	Hàng năm cán bộ, công chức, viên chức được bổ nhiệm, tốt nghiệp các khóa đào tạo, đi nước ngoài... thì phải cập nhật những thông tin trên lên hệ thống thông tin CB,CC,VC của tỉnh. Nếu các thông tin trên được cập nhật đầy đủ và được phê duyệt, thì được đánh giá 3 điểm Nếu không đầy đủ thì điểm đánh giá: 0	- Báo cáo của cơ quan, đơn vị. - Theo dõi của Sở Nội vụ.
48	TCTP 5.5.2 – Đánh giá công chức, viên chức trên cơ sở kết quả nhiệm vụ được giao (bằng báo cáo và phần mềm)	- Yêu cầu: Thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định của UBND tỉnh. - Ban hành tiêu chí đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá hàng năm theo quy định, thì điểm đánh giá là 2. - Không ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, nhưng hàng năm có đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá, thì điểm đánh giá là 1 - Không báo cáo kết quả đánh giá, điểm đánh giá là 0. Trường hợp quy định về thời gian đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá CCVC trong năm của UBND tỉnh sau thời gian tự đánh giá Chỉ số CCHC thì sẽ lấy kết quả của năm trước liền kề để tính điểm.	- Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức ; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.
49	TC 5.6 - Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	- Yêu cầu: Thống kê tổng số cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật trong năm, nêu rõ hình thức kỷ luật đối với từng cán bộ, công chức, viên chức. - Nếu trong năm không có cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc bị kỷ luật, thì điểm đánh giá là 1.5 - Nếu trong năm có cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc bị kỷ luật chỉ ở mức khiển trách, điểm đánh giá là 1	- Báo cáo CCHC năm của cơ quan hoặc báo cáo về tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trong năm; - Thống kê CC,VC bị kỷ luật

		- Trong năm cơ quan và các đơn vị trực thuộc có công chức, viên chức bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên: 0.	- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.
VI	THỰC HIỆN	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	
50	TC 6.1- Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	- Thực hiện đầy đủ, không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính trong năm đánh giá, thì điểm đánh giá là 2 - Thực hiện chưa đầy đủ, hoặc có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính trong năm đánh giá được các cơ quan có thẩm quyền chỉ ra, thì điểm đánh giá là 0 Trường hợp sai phạm về sử dụng kinh phí của năm trước liền kề, nhưng trong năm đánh giá mới phát hiện ra sai phạm, thì điểm đánh giá của năm đánh giá hiện tại là 0	- Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính
51	TCTP 6.2 - Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư phát triển, nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm	- Yêu cầu: Các cơ quan, đơn vị thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền. - Nếu tỷ lệ thực hiện giải ngân đạt: + Từ 80% trở lên so với kế hoạch được giao thì điểm đánh giá tính theo công thức: <i>(Tỷ lệ % giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN x 2)/100%</i> + Dưới 80% so với kế hoạch được giao thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan, đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính
52	TCTP 6.3.1 – tỷ lệ đơn vị SNCL trực thuộc tự chủ 100% về chi thường xuyên	- Có từ 60-100% đơn vị SNCL trực thuộc tự chủ về chi thường xuyên (hoặc trong năm có tăng ít nhất 01 đơn vị SNCL trực thuộc tự chủ 100% về chi thường xuyên) thì điểm đánh giá là 1 - Có dưới 60% đơn vị SNCL trực thuộc tự chủ 100% về chi thường xuyên, điểm đánh giá là 0 <i>Các cơ quan, đơn vị không có đơn vị SNCL trực thuộc thì TCTP này được trừ vào điểm trong thang điểm tối đa</i>	- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị SNCL trực thuộc; - Các văn bản giao tự chủ tài chính; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính
53	TCTP 6.3.2 – Xây dựng phương án giao quyền tự chủ của các đơn vị SNCL trực thuộc	- Đã thực hiện xây dựng phương án giao quyền tự chủ của các đơn vị SNCL trực thuộc theo từng giai đoạn đúng quy định, thì điểm đánh giá là 1 - Chưa xây dựng phương án giao quyền tự chủ của các đơn vị SNCL trực thuộc theo từng giai đoạn đúng quy định, thì điểm đánh giá là 0 <i>Các cơ quan, đơn vị không có đơn vị SNCL trực thuộc thì TCTP này được</i>	- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị SNCL trực thuộc; - Các văn bản giao tự chủ tài chính; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở

		<i>trừ vào điểm trong thang điểm tối đa</i>	Tài chính
54	TCTP 6.4.1 – Công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao thuê tài sản công tại cơ quan, đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> - Công khai đúng quy định, thì điểm đánh giá là 1 - Có công khai nhưng chưa đầy đủ nội dung, điểm đánh giá là 0.5 - Chưa công khai, điểm đánh giá là 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC có nội dung công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao thuê tài sản công tại cơ quan, đơn vị hoặc biên bản Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức cuối năm; Các biểu mẫu công khai... - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính.
55	TCTP 6.4.2- Công khai tình hình sử dụng, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy và các hình thức xử lý khác đối với tài sản công tại cơ quan, đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> - Đã công khai đầy đủ đúng quy định tình hình sử dụng, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy và về tài sản (đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; nhà công trình xây dựng; xe ô tô), thì điểm đánh giá là 1 - Có công khai nhưng chưa đầy đủ nội dung, điểm đánh giá là 0.5 - Không công khai, thì điểm đánh giá là 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC có nội dung công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao thuê tài sản công tại cơ quan, đơn vị hoặc biên bản Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức cuối năm; Các biểu mẫu công khai... - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính.
56	TCTP 6.4.3- Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đầy đủ đúng hạn theo quy định, điểm đánh giá là 1 - Có báo cáo nhưng không đúng hạn theo quy định: 0.5 - Không thực hiện báo cáo theo quy định: 0 	<ul style="list-style-type: none"> Các báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính.
57	TCTP 6.4.4 – Kiểm kê tài sản hàng năm	<p>Trong năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kiểm kê, kiểm tra (thành lập Hội đồng đúng thành phần, Biên bản kiểm kê đầy đủ các tài sản, thì điểm đánh giá là 1 - Có kiểm kê, kiểm tra nhưng không đúng quy định, hồ sơ không đảm bảo, không kiểm kê đầy đủ các tài sản, điểm đánh giá là 0.5 - Không thực hiện kiểm kê, điểm đánh giá là 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản - Biên bản kiểm kê - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính.
VII	HIỆN ĐẠI HÓA	HÀNH CHÍNH	
58	TCTP 7.1.1 – Mức độ thực hiện kế	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan, đơn vị (nếu trong năm không ban hành Kế hoạch theo quy định thì tiêu chí 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm của cơ quan, đơn vị;

	hoạch ứng dụng CNTT của sở, ban, ngành	<p>thành phần này không có điểm)</p> <p>Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch (trong trường hợp kế hoạch ban hành không đảm bảo chất lượng Hội đồng thẩm định sẽ giảm tỷ lệ mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện hoàn thành từ 70- 100% kế hoạch thì tính theo công thức: (Tỷ lệ % số nhiệm vụ CCHC đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ trong kế hoạch x 2đ)/100% <p><i>Ví dụ: Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch là 85% thì điểm đánh giá là [85%*2]/100% = 1.7 điểm.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông - Báo cáo khác về thực hiện CNTT
59	TCTP 7.1.2 - Ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và các phần mềm QLĐH do UBND tỉnh thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: + Thống kê các phần mềm phải thực hiện theo quy định của UBND tỉnh + Tính tỷ lệ áp dụng thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định <p>Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện hoàn thành từ 70- 100% kế hoạch thì tính theo công thức: (Tỷ lệ % số nhiệm vụ CCHC đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ trong kế hoạch x 2đ)/100% - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm của cơ quan, đơn vị; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông - Báo cáo (giải trình) khác về thực hiện CNTT
60	TCTP 7.1.3 – Cổng/Trang thông tin điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin đảm bảo theo quy định tại Điều 10 và Điều 17 của Nghị định 43/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ, thì điểm đánh giá là 1. - Nếu cơ quan, đơn vị đã có Cổng/Trang thông tin điện tử nhưng cung cấp thông tin chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 10 và Điều 17 của Nghị định 43/NĐ-CP của Chính phủ, thì điểm đánh giá là 0.5. - Cơ quan, đơn vị không có Cổng/Trang thông tin điện tử, thì điểm đánh giá là 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm của cơ quan, đơn vị; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông
61	TCTP 7.1.4 – Áp dụng chữ ký số	<ul style="list-style-type: none"> - Đã áp dụng sử dụng chứng thư số, chữ ký số thì điểm đánh giá là 1.5. - Chưa được cấp chứng thư số hoặc không sử dụng chữ ký số thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định cấp chứng thư số; Danh mục các văn bản chữ ký số trong năm; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở

			Thông tin và Truyền thông
62	TCTP 7.2.1 - Tỷ lệ% giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến so với tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4	<p>- Yêu cầu: Thống kê tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, trong số đó, thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến trong năm đánh giá (Nếu các TTHC được thực hiện trên các phần mềm của các cơ quan ngành dọc đặt tại địa phương, như thuế, kho bạc, bảo hiểm xã hội..., thì phải có báo cáo giải trình chi tiết).</p> <p>- Tính tỷ lệ % giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến so với tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>+ Từ 60% trở lên thì điểm đánh giá là 1.5;</p> <p>+ Dưới 60% thì điểm đánh giá là được tính theo công thức: (Tỷ lệ% TTHC có phát sinh hồ sơ x1.5)/60%.</p> <p><i>Ví dụ: Cơ quan có 20 TTHC đăng ký cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4, trong đó có 9 TTHC có phát sinh hồ sơ.</i></p> <p><i>Như vậy tỷ lệ TTHC có phát sinh hồ sơ là: $9 \times 100 / 20 = 45(\%)$. Điểm đánh giá sẽ là: $(45\% \times 1.5) / 60\% = 1.125$ điểm</i></p>	<p>- Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT (có Thống kê tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; số hồ sơ TN và TKQ trực tuyến và các hình thức khác.</p> <p>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có);</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (TT PVHCC)</p>
63	TCTP 7.2.2 - Tỷ lệ % giữa hồ sơ đã được tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và truyền thống) của các TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3	<p>- Phạm vi đánh giá: Các TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan (Bao gồm cả hồ sơ TTHC tiếp nhận và giải quyết thông qua phần mềm của các bộ triển khai, ví dụ như các lĩnh vực: Tư pháp, đăng ký kinh doanh, giao thông vận tải, đất đai, lao động - thương binh và xã hội...)</p> <p>- Yêu cầu:</p> <p>+ Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận (cả trực tuyến và truyền thống) của các TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3.</p> <p>+ Thống kê số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến của các TTHC mức độ 3.</p> <p>- Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ các TTHC mức độ 3 đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và truyền thống) Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>+ Từ 40% trở lên thì điểm đánh giá là 1.5;</p> <p>+ Từ dưới 40% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 x 1.5)/40%</p> <p>- Ví dụ: Sở Nội vụ, trong năm 2019 có 30 TTHC đang cung cấp trực tuyến</p>	<p>- Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT (có Thống kê tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; số hồ sơ TN và TKQ trực tuyến và các hình thức khác.</p> <p>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có);</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (TT PVHCC)</p>

		<p>mức độ 3. Trong đó, chỉ có 20 TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến. Trong số 20 TTHC này, trong năm, đã tiếp nhận tổng số 100 hồ sơ TTHC bằng cả hình thức trực tuyến và truyền thống, trong đó, có 35 hồ sơ TTHC được tiếp nhận bằng hình thức trực tuyến. Như vậy, tỷ lệ % hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến của 20 TTHC nêu trên là $(35 \cdot 100 / 100) = 35(\%)$.</p> <p>+ Vì tỷ lệ này đạt dưới 40% nên điểm đánh giá được tính theo công thức $(35\% \cdot 1.5) / 40\% = 1.313$ điểm</p>	
64	TCTP 7.2.3 - Tỷ lệ % giữa hồ sơ đã được tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và truyền thống) của các TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 4	<p>- Phạm vi đánh giá: Các TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan (Bao gồm cả hồ sơ TTHC tiếp nhận và giải quyết thông qua phần mềm của các bộ triển khai)</p> <p>- Yêu cầu:</p> <p>+ Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận (cả trực tuyến và truyền thống) của các TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 4.</p> <p>+ Thống kê số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến của các TTHC mức độ 4.</p> <p>- Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ các TTHC mức độ 4 đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và truyền thống) .</p> <p>Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>+ Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 1.5;</p> <p>+ Từ dưới 30% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $(\text{Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến mức độ 4} \cdot 1.5) / 30\%$</p> <p>Cách tính tương tự như TCTP 7.2.2</p>	<p>- Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT (có Thống kê tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; số hồ sơ TN và TKQ trực tuyến và các hình thức khác.</p> <p>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có);</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (TT PVHCC)</p>
65	TCTP 7.3.1 – Sở, ban, ngành công bố HTQLCL TCVN ISO 9001:2008 theo quy định	<p>- Đã công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001:2008 theo QĐ 19/2014/QĐ-TTg, thì điểm đánh giá là 1</p> <p>- Chưa công bố thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Các quyết định công bố ISO;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp.</p>
66	TCTP 7.3.2 - Sở, ban, ngành thực hiện duy trì, cập nhật, cải tiến hệ	<p>- Thực hiện đúng việc duy trì, cập nhật, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 theo quy định thì điểm đánh giá là 2.</p> <p>- Thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>Sở, ban, ngành chưa công bố HTQLCL TCVN ISO 9001:2008 theo quy</p>	<p>- Báo cáo CCHC năm có nội dung duy trì, cập nhật cải tiến hệ thống ISO của cơ quan, đơn vị;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra do Sở</p>

	thống ISO theo quy định	định, thì TCTP này đánh giá là 0 điểm	Khoa học và Công nghệ cung cấp.
67	TCTP 7.3.3 – Tỷ lệ các cơ quan hành chính trực thuộc Sở, ban, ngành công bố HTQLCL TCVN ISO 9001:2008 theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> - 100% các cơ quan hành chính (Ban, Chi cục ...) trực thuộc đã công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001:2008 theo QĐ 19/2014/QĐ-TTg, thì điểm đánh giá là 1.5 - Từ 70-dưới 100% các cơ quan hành chính trực thuộc đã công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001:2008 theo QĐ 19/2014/QĐ-TTg, thì điểm đánh giá là 1 - Dưới 70% các cơ quan hành chính công bố hoặc chưa công bố thì điểm đánh giá là 0. <p>Sở, ban, ngành không có cơ quan hành chính trực thuộc thì TCTP này được trừ vào tổng số điểm tối đa</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các quyết định công bố ISO; - Kết quả theo dõi, kiểm tra do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp.
68	TCTP 7.3.4 - Tỷ lệ các cơ quan hành chính trực thuộc Sở, ban, ngành thực hiện duy trì, cập nhật, cải tiến hệ thống ISO theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> - 100% cơ quan hành chính trực Thực hiện đúng việc duy trì, cập nhật, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 theo quy định thì điểm đánh giá là 1.5 - Từ 70-dưới 100% các cơ quan hành chính trực thuộc đã thực hiện duy trì, cập nhật, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001:2008 theo QĐ 19/2014/QĐ-TTg, thì điểm đánh giá là 1 - Dưới 70% các cơ quan hành chính không thực hiện duy trì, cập nhật cải tiến hoặc chưa công bố thì điểm đánh giá là 0. <p>Sở, ban, ngành không có cơ quan hành chính trực thuộc thì TCTP này được trừ vào tổng số điểm tối đa</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm có nội dung duy trì, cập nhật cải tiến hệ thống ISO của cơ quan, đơn vị; - Kết quả theo dõi, kiểm tra do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp.
69	TCTP 7.4.1 - Tỷ lệ giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI so với tổng số TTHC đang triển khai thực hiện TN	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Thống kê danh mục TTHC đã (đăng ký) triển khai thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI, trong số đó, thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ đã sử dụng dịch vụ BCCI. - Tính tỷ lệ % giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI (tiếp nhận hoặc trả kết quả hoặc cả hai) so với tổng số TTHC đang triển khai thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI. Nếu tỷ lệ này đạt: <ul style="list-style-type: none"> + Từ 60% trở lên thì điểm đánh giá là 1.5; + Từ dưới 60% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 x 1.5)/60% 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm của cơ quan đơn vị có nội dung thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg; - Số liệu kiểm chứng khác (nếu có); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông.

	và TKQ qua DV BCCI	<p>Ví dụ: Sở Công Thương đã (đăng ký) 100 TTHC triển khai thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI, trong số đó, có 50 TTHC có phát sinh hồ sơ đã sử dụng dịch vụ BCCI, Tỷ lệ số TTHC có phát sinh hồ sơ là: $50/100\% = 50\%$ (dưới 60%) Nhu vậy điểm đánh giá là $50 * 1.5 / 60 = 1.25$</p>	
70	TCTP 7.4.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được trả kết quả qua dịch vụ BCCI của các TTHC BCCI so với tổng số HS đã trả kết quả (cả DV BCCI, trực tuyến và trực tiếp)	<p>- Yêu cầu: + Thống kê số hồ sơ đã trả kết quả qua dịch vụ BCCI của các TTHC đã đăng ký triển khai thực hiện tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ qua dịch vụ BCCI của cơ quan, đơn vị + Thống kê tổng số hồ sơ TTHC đã trả kết quả trong năm (bao gồm: Qua dịch vụ BCCI và các hình thức khác như: TN và TKQ tại Bộ phận 1 cửa, dịch vụ công trực tuyến MĐ 3,4) của cơ quan, đơn vị; - Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã trả kết quả qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã trả trong năm nêu trên. Nếu tỷ lệ này đạt: + Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 1.5; + Từ dưới 15% số hồ sơ TTHC thì (<i>Tỷ lệ hồ sơ đã trả qua DV BCCI x 1.5/15%</i>)</p>	<p>- Báo cáo CCHC năm của cơ quan đơn vị có nội dung thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg; - Số liệu kiểm chứng khác (nếu có); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông.</p>